

LUẬN A TỖ ĐẠT MA CÂU XÁ

QUYỂN 29

Phẩm 8: **PHÂN BIỆT ĐỊNH** (PHẦN 2)

Phần trước đã nói về các định, tiếp theo sẽ bàn về các công đức hành giả sinh khởi được nhờ nương vào định. Trước tiên là các công đức Vô lượng:

Tụng nói: (Âm Hán):

*Vô lượng hữu tứ chủng
Đối trị sân đẳng cố Từ
bi vô sân tánh
Hỷ hỷ xả vô tham
Thử hành tướng như thứ
Dữ lạc cập bạt khổ
Hân ủy hữu tình đẳng
Duyên Dục giới hữu tình
Hỷ sơ nhị tĩnh lự
Dư lục hoặc ngũ thập
Bất năng đoan chư hoặc
Nhân khởi định thành tam.*

Dịch nghĩa:

*Có bốn loại vô lượng
Vì để đối trị sân v.v...
Tánh Từ, Bi không sân
Hỷ hỷ, Xả không tham.
Thứ tự hành tướng này
Cho vui và trừ khổ
Khiến chúng sinh an vui
Duyên hữu tình Dục giới
Hỷ ở hai tĩnh lự*

*Khác sáu, năm, mười địa
Không thể đoạn các “hoặc”
Người khởi định thành ba.*

(Có bốn loại vô lượng để đối trị sân v.v... Từ, bi có tánh vô sân. Hỷ là hỷ thọ, Xả có tánh vô tham. Theo thứ tự này, các hành tướng lần lượt cho lạc và trừ khổ làm chúng sinh v.v... an vui . Chỉ duyên hữu tình Dục giới. Hỷ ở hai tính lự đầu tiên. Các vô lượng khác ở sáu, năm hoặc mười địa không có khả năng đoạn hoặc. Tu ở cõi người, khởi định tức thành tựu ba loại).

Luận: Có bốn loại vô lượng là Từ, Bi, Hỷ, Xả. Sở dĩ có tên vô lượng là vì chúng dành cho vô lượng chúng sinh, dẫn theo vô lượng phước đức (đăng lưu quả), sinh khởi vô lượng quả báo (địa thực quả).

Theo thứ tự trên, bốn vô lượng đối trị sự nóng giận (sân), sự làm hại (hại), sự không bằng lòng (bất hân ủy), sự tham đắm dục lạc và nóng giận. Từ khiến cho những người mắc phải sân đoạn trừ được sân. Bi v.v... cũng như vậy.

Hỏi: Chúng ta đã biết tu quán bất tịnh để đối trị dục tham, và ở đây chúng ta lại biết xả cũng đối trị dục tham. Như vậy sự tu quán bất tịnh và tu xả có gì khác nhau?

Đáp: Theo Tỳ-bà-sa, đối với dục tham cần phải phân biệt loại tham đắm các cảnh sắc của Dục giới và sự tham đắm nhục dục (tức tham đắm một sự xúc chạm nào đó). Do đó, sự tu bất tịnh nhằm đối trị loại tham đắm thứ nhất, và sự tu xả đối trị loại tham đắm thứ hai. Trước đây có nói tu bất tịnh đối trị dâm dục vì sự tu tập này loại bỏ mọi tham muốn về hình sắc, hiển sắc, hành tướng, sự tiếp xúc, dáng đi, trong khi tu xả nhằm đối trị sự tham đắm đối với cha, mẹ, con cái.

Hỏi: Thể tánh của các vô lượng là gì?

Đáp: Từ cũng như Bi, có thể tánh là thiện căn “vô sân”, Hỷ chính là hỷ thọ cảm nhận được mừng sự vui vẻ của người khác, Xả là thiện căn “vô tham”.

Hỏi: Nếu Xả là vô tham thì làm sao có thể đối trị sân?

Tỳ-bà-sa: Vì sân do tham sinh khởi. Trước đây đã nói Xả vừa là vô tham vừa là vô sân.

Hỏi: Các hành tướng của vô lượng là gì?

Đáp: Chúng sinh an lạc là cảnh nơi đối tượng duyên của Từ. Đối với các chúng sinh này, hành giả khởi tâm có hành tướng như sau: “Những chúng sinh này an lạc!” và nhờ vậy mà nhập vào sự tu Từ (từ đẳng chí).

Chúng sinh đau khổ là cảnh nơi đối tượng duyên của Bi. Đối với họ, hành giả suy nghĩ: “Những chúng sinh này đau khổ!” và nhờ vậy mà nhập vào sự tu Bi.

Chúng sinh vui mừng là cảnh nơi đối tượng duyên của Hỷ. Đối với họ, hành giả suy nghĩ: “Những chúng sinh này vui mừng!” và nhờ vậy mà nhập vào sự tu Hỷ.

Những chúng sinh được xem như gần và không tạo ra sự phân biệt là cảnh nơi đối tượng duyên của Xả.

Đối với họ, hành giả khởi tâm có hành tướng như sau: “Chúng sinh! Chúng sinh!” và nhờ vào điều được gọi là “không thiên vị” (bình đẳng) này mà hành giả nhập vào sự tu Xả.

Hỏi: Nếu xem những chúng sinh không có an lạc là an lạc thì “cái nhìn do ý nguyện” này (thắng giải) - vì không phù hợp với sự thực - không phải là loại điên đảo sao?

Đáp: Không điên đảo: 1. khi hành giả suy nghĩ: “Những chúng sinh này an lạc!” thì ý nghĩa của nó là: “Mong cho những chúng sinh này an lạc!”; 2. không có sự điên đảo trong ý định (a-thế-da) của hành giả, vì; 3. hành giả biết rõ mình có một “cái nhìn do ý nguyện” (thắng giải tưởng). Và cho dù hành giả có điên đảo đi nữa thì có gì sai? Có phải các ông sẽ nói bốn vô lượng là “bất thiện” vì chúng không “nắm bắt chúng sinh đúng như thực”? Thế nhưng các Vô lượng vẫn là các thiện căn vì chúng đối trị được sân v.v...

Bốn vô lượng có đối tượng duyên là tất cả chúng sinh Dục giới vì chúng đối trị loại sân của các chúng sinh này.

Tuy nhiên, theo Khế kinh, hành giả khởi tâm Từ đối với một vùng, hai vùng v.v... Chúng tôi cho rằng khi nói như vậy là kinh đang nói về khí thế gian nhưng lại nhằm chỉ cho những chúng sinh đang ở trong khí thế gian này.

Hỏi: Khi khởi các vô lượng, hành giả nương vào các địa nào?

Đáp: Hỷ chỉ được tu tập ở hai tinh lự đầu tiên vì hỷ chính là hỷ thọ, mà hỷ thọ thì không có ở hai tinh lự cao hơn.

Các vô lượng khác được tu tập ở sáu địa: vị chí, tinh lự trung gian, và bốn tinh lự. Tuy nhiên, có luận sư cho rằng chỉ có năm địa, tức loại trừ vị chí. Có luận sư khác lại cho rằng ở mười địa, tức cộng thêm Dục giới và ba cận phần của các tinh lự cao hơn. Con số này thay đổi tùy theo các Vô lượng này đang ở vào giai đoạn của định, không phải định, giai đoạn gia hạnh, hay tinh lự căn bản.

Hỏi: Ở trên có nói các vô lượng đối trị sân v.v..., như vậy phải

chăng muốn nói có thể đoạn trừ phiền não bằng các Vô lượng?

Đáp: Không phải như vậy, vì các vô lượng đều có địa, hoặc nơi sinh khởi, của chúng là các tĩnh lự căn bản, vì chúng có tác ý thuộc loại thắng giải chứ không phải là chánh lý tác ý, và vì chúng duyên chúng sinh hữu tình chứ không phải cộng tướng của các sự vật.

Tuy nhiên, các vô lượng khi ở vào giai đoạn gia hạnh của chúng, có khả năng lay chuyển sân v.v..., chúng vứt bỏ, “tách xa” loại sân đã được đoạn trừ: chính vì thế mà ở trên có nói các vô lượng “cản trở” sân v.v...

Nói một cách rõ ràng hơn thì các vô lượng Từ, Bi v.v... được tu tập ở Dục giới và vị chí - tức ở giai đoạn sơ khởi - cũng tương tự như Từ, Bi v.v... thuộc loại “do tu thành tựu” (tu thành) và được tu tập ở các tĩnh lự căn bản - tức giai đoạn chính của Vô lượng. Sau khi đã làm cho sân v.v... lay chuyển nhờ vào Từ, Bi v.v..., hành giả sinh khởi ở vị chí định một “con đường đoạn trừ” (đoạn đạo) độc lập với Từ, Bi v.v... và nhờ con đường này mà hành giả có thể đoạn trừ các phiền não. Một khi các phiền não đã được đoạn trừ, hành giả sẽ được sự xả lìa Dục giới, nhập vào tĩnh lự căn bản, và vì thế được bốn Vô lượng tâm thuộc về địa của tĩnh lự căn bản. Các phiền não ở đó bị vứt bỏ, bị “tách xa”, và hành giả, nếu còn gặp lại các duyên mạnh hơn của phiền não, thì từ đây trở đi cũng không thể bị các phiền não này bách bức.

Hỏi: Người mới tu sẽ tu Từ như thế nào?

Đáp: Trước tiên là nhớ lại sự an lạc mà mình đã cảm thọ, hoặc nghe nói về sự an lạc mà chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Bích chi Phật đã cảm thọ, kể đến mới lập nguyện mong cho tất cả chúng sinh đều có được sự an lạc này.

Nếu phiền não quá mạnh khiến hành giả không có khả năng phát tâm bình đẳng như vậy thì phải chia chúng sinh làm ba loại là bạn bè, người không quen biết và kẻ thù. Loại thứ nhất lại chia làm ba nhóm là rất thân, thân vừa và ít thân, loại thứ ba cũng phân chia như vậy, trong khi loại thứ hai vẫn chỉ có một nhóm: như vậy tất cả có bảy nhóm. Sau khi phân nhóm xong, hành giả trước tiên phát nguyện cầu cho nhóm bạn bè thân nhất được an lạc, kể đến là các bạn bè thân vừa và các bạn bè ít thân. Đến khi hành giả đã có thể lập nguyện bình đẳng đối với tất cả bạn bè thì lúc đó sẽ phát nguyện đối với người không quen biết và kẻ thù của mình. Nhờ vào năng lực của sự tu tập mà hành giả có thể phát nguyện mong cho kẻ thù lớn nhất của mình cũng có được nhiều sự an lạc giống như đã mong cho bạn bè thân nhất của mình.

Khi sự tu tập “bình đẳng phát nguyện cầu mong an lạc” cho cả bảy nhóm đã được xan cố thì hành giả mới rộng phạm vi của lời nguyện này, cho đến một thành phố, một nước, một phương, tất cả thế giới. Khi tất cả chúng sinh, không còn thiếu sót một ai, đều được bao hàm trong tâm từ vô lượng của hành giả thì sự tu Từ mới được viên mãn.

Người nào có được sự vui mừng trước những công đức của người khác thì tu Từ dễ hơn và nhanh hơn, người nào có sự vui mừng khi tìm ra lỗi lầm của người khác thì không thể như vậy. Vì có người đã dứt đoạn thiện căn nhưng không phải không có công đức, đồng thời ta cũng có thể tìm ra các lỗi lầm ở chính các Bích-chi Phật, cho nên các kết quả của các nghiệp thiện đời trước ở trong trường hợp đầu, và các kết quả của các nghiệp ác ở trong trường hợp sau đều có thể được nhìn thấy ở thân v.v... của những người nói trên.

Về sự tu tập Bi và Hỷ cũng như vậy. Ta thấy chúng sinh bị đọa vào bể khổ và ta phát nguyện: “Mong cho những chúng sinh này được thoát khổ!” “Mong cho họ được vui!”.

Từ đó, hành giả bắt đầu tu Bi và Hỷ.

Những người tu Xả phải bắt đầu bằng nhóm những người không quen biết, vì như chúng ta đã biết, hành tướng của Xả là: “Họ là chúng sinh! Họ là chúng sinh!”.

Hỏi: Bốn vô lượng được tu tập ở những nơi nào?

Đáp: Chỉ có con người mới có thể tu các vô lượng, chứ không phải chúng sinh ở các cõi khác.

Hỏi: Khi một người được một vô lượng thì có nhất định đạt được tất cả vô lượng không?

Đáp: Không nhất định được tất cả.

Người nào khởi được đệ tam hoặc tinh lự thứ tư thì không được Hỷ vì không có hỷ ở các tinh lự này. Vì thế khi được một vô lượng thì luôn luôn được ba vô lượng,

Hỏi: Giải thoát là gì?

Tụng đáp: (Âm Hán):

Giải thoát hữu bát chủng

Tiền tam vô tham tánh

Nhị nhị nhất nhất định

Tứ vô sắc định thiện

Diệt thọ tưởng giải thoát

Vi vi vô gián sinh

Do tự địa tịnh tâm

*Cập hạ vô lậu xuất Tam
cảnh dục khả kiến Tứ
cảnh loại phẩm đạo Tự
thượng khổ tập diệt Phi
trạch diệt hư không.*

Dịch nghĩa:

*Có tám loại giải thoát
Ba loại trước vô tham
Hai giải nương hai định
Bốn định Vô sắc: thiện
Diệt thọ tưởng giải thoát
Tâm “vi vi” sinh khởi Do
tâm tịnh tự địa
Và hạ vô lậu xuất
Ba cảnh Dục dễ thấy
Bốn cảnh thuộc phẩm đạo
Khổ, Tập, Diệt tự, thượng
Hư không phi trạch diệt.*

(Có tám loại giải thoát Ba loại đầu có tánh vô tham. Hai giải thoát đầu, mỗi loại đều nương vào hai định. Bốn định Vô sắc đều thiện. Diệt thọ tưởng giải thoát sinh liền sau tâm “vi vi”. Do tâm tịnh thuộc tự địa và tâm vô lậu thuộc địa dưới mà xuất định. Ba Giải thoát đầu có cảnh là sắc xứ Dục giới. Bốn loại kế có cảnh là loại phẩm đạo của khổ tập diệt thuộc tự và thượng địa, phi trạch diệt và hư không).

Luận: Có tám loại giải thoát: 1. Có tưởng về các sắc ở trong, quán sát các cảnh sắc ở ngoài . 2. Không có tưởng về các sắc ở trong, quán sát các cảnh sắc ở ngoài . 3. Chứng đắc tịnh giải thoát, trụ ở định này; 4-7. Bốn định Vô sắc. 8. Định diệt thọ tưởng.

Hai loại giải thoát đầu tiên có thể tánh là “tu quán bất tịnh” vì hành tướng của chúng là ý tưởng về thi thể đã trở thành màu xanh v.v... (Hành giả quán sát cảnh sắc ở trong hoặc ở ngoài, thân thể của chính mình hoặc các thân thể ở ngoài, dưới các hành tướng “thoái xanh” v.v...). Như vậy, các qui tắc liên quan đến hai loại giải thoát đầu tiên giống hệt như trường hợp của “quán bất tịnh”.

Hai giải thoát này chỉ được tu tập ở hai tĩnh lự đầu tiên, khi được tu ở sơ tĩnh lự, chúng ngăn ngại sự tham đắm hiển sắc Dục giới, khi được tu ở đệ nhị tĩnh lự, chúng ngăn ngại hiển sắc tham thuộc sơ tĩnh lự. (Ở đệ nhị tĩnh lự, không có sự tham đắm đối với loại hiển sắc sẽ được ngăn

ngại ở đệ tam tĩnh lự).

Loại giải thoát thứ ba chỉ có thể tu tập ở tĩnh lự thứ tư. Thể tánh của nó là thiện căn vô tham chứ không phải quán bất tịnh. Loại giải thoát này có đối tượng duyên là một sự vật được quán sát là khả ái, là thiện, vì thế nó có hành tướng tịnh.

Ba loại giải thoát trên, cùng với các pháp tương ứng, đều có “thể tánh” là năm uẩn.

Bốn loại giải thoát kế tiếp đều là bốn Vô sắc thiện, tức tịnh hoặc vô lậu, và đều thuộc về định, chứ không phải loại Vô sắc sinh khởi vào lúc mạng chung.

Có luận sư khác cho các tâm tâm sở do dị thực khởi - ở các chúng sinh sinh ở Vô sắc giới - cũng thuộc loại “tán loạn”.

Tên gọi “Giải thoát” cũng được dùng để chỉ cho các đạo giải thoát ở các giai đoạn cận phần của các định Vô sắc, nhưng không chỉ cho các đạo vô gián của các cận phần nói trên vì chúng có đối tượng duyên là một địa thấp hơn đã được từ bỏ, trong khi các loại giải thoát được gọi tên như vậy là vì chúng quay lưng với địa thấp hơn.

Định diệt thọ tưởng là loại giải thoát thứ tám. Trước đây đã từng giải thích về loại định này. Sở dĩ định này có tên là “Giải thoát” vì nó quay lưng với tưởng và thọ, hoặc vì nó quay lưng với tất cả các duyên.

Có luận sư khác cho rằng tám loại giải thoát này có tên là “Giải thoát” vì chúng thoát khỏi các chướng ngại đối với định.

Định diệt tận hiện khởi theo sau một tâm vi tế vi tế.

Tâm ở Hữu Đảnh (Phi tướng phi phi tướng xứ) - là nơi hành giả hiện khởi định diệt tận - vốn thuộc loại vi tế so với tất cả các tâm tương ứng với tưởng. loại tâm “nhập vào Diệt tướng định” lại còn vi tế hơn nữa nên gọi là “vi vi”.

Định diệt tận chấm dứt khi có hiện khởi một tâm tịnh thuộc về địa của Hữu Đảnh (đệ tứ Vô sắc), tức là địa của chính loại định này, hoặc một tâm thánh, tức vô lậu, thuộc về địa của đệ tam Vô sắc. Như vậy, khi nhập định diệt tận là một tâm hữu lậu, và khi xuất định là một tâm hữu lậu hoặc Vô lậu.

Hỏi: Cảnh nơi đối tượng duyên của các giải thoát là gì?

Đáp: Ba giải thoát đầu có cảnh là sắc của Dục giới. Đối với hai giải thoát đầu là loại sắc đáng ghét (bất khả ý), đối với giải thoát thứ ba là loại sắc đáng ưa.

Các giải thoát thuộc Vô sắc có cảnh là khổ thuộc về địa của các giải thoát này và một địa thấp hơn, là tập và diệt của khổ này, là toàn

bộ loại trí, phi trách diệt, và hư không.

Hỏi: Ở trên nói hai giải thoát đầu tiên thuộc về hai tĩnh lự đầu tiên, nhưng giải thoát thứ ba lại thuộc về tĩnh lự thứ tư. Tại sao không có loại giải thoát ở đệ tam tĩnh lự?

Đáp: Vì ở đệ nhị tĩnh lự không có các thân thức cho nên không có sự tham đắm hiển sắc ở địa của tĩnh lự này (tức là loại tham đắm nên phải được ngăn cản ở đệ tam tĩnh lự), vì đệ tam tĩnh lự bị diệu lạc làm cho lay động.

Hỏi: Nếu không có sự tham đắm hiển sắc thuộc về địa của đệ tam tĩnh lự thì hành giả có mục đích gì khi hiện khởi loại Giải thoát thứ ba (tức sự quán sát một sắc khả ý)?

Đáp: Vì hành giả muốn làm phẩn chấn tinh thần vốn đã bị quán bất tịnh làm cho buồn nản, hoặc vì hành giả muốn xem mình có thành công hay không: hành giả tự hỏi không biết hai loại giải thoát đầu tiên có được tu tập viên mãn hay không. Nếu trong khi quán sát một cảnh khả ý (tịnh tướng) (đệ tam giải thoát) mà không khởi dục thì hai giải thoát đầu tiên đã viên mãn. Thật ra, hành giả tu tập các loại giải thoát, các loại thắng xứ v.v... là vì hai mục đích: 1. cách xa các phiền não; 2. được lực tự tại đối với định. Sự tự tại này có quả là sự sinh khởi các công đức như vô tránh v.v... và các thần thông của Thánh giả: nhờ năng lực thần thông này mà Thánh giả có thể chuyển hóa hoặc làm cho sự vật đình trụ, xả bỏ thọ mạng v.v...

Hỏi: Tại sao kinh chỉ nói đến “thân tác chứng” ở hai loại giải thoát thứ ba và thứ tám?

Đáp: Vì tính chất thù thắng của chúng và vì chúng xảy ra ở địa cuối cùng của hai giới.

Hỏi: Thắng xứ là gì?

Tụng đáp: (Âm Hán):

*Thắng xứ hữu bát chủng
Nhị như sơ giải thoát
Thứ nhị như đệ nhị
Hậu tứ như đệ tam.*

Dịch nghĩa:

*Có tám loại thắng xứ
Hai như sơ giải thoát
Hai thứ như Đệ nhị
Bốn sau như Đệ tam.*

(Có tám loại Thắng xứ: Hai loại như sơ giải thoát. Hai loại kế như

đệ nhị giải thoát. Bốn loại cuối như đệ tam giải thoát).

Luận: Thắng xứ có tám loại: 1. có tướng về sắc ở trong, quán sát sắc ở ngoài ít; 2. có tướng về sắc ở trong, quán sát sắc ở ngoài nhiều; 3. không có tướng về sắc ở trong, quán sát sắc ở ngoài; 4. không có sắc tướng ở trong, quán sát sắc ở ngoài nhiều; 5-8. không có tướng về sắc ở trong, quán sát các sắc xanh, vàng, đỏ, trắng ở ngoài.

Trong tám thắng xứ, hai thắng xứ đầu tiên giống như loại giải thoát đầu tiên. Thắng xứ thứ ba và thứ tư giống như loại giải thoát thứ hai, bốn thắng xứ cuối cùng giống như loại giải thoát thứ ba.

Hỏi: Giải thoát và thắng xứ khác nhau như thế nào?

Đáp: Đối với loại thứ nhất, chỉ có sự giải thoát, đối với loại thứ hai là sự chế phục cảnh nơi đối tượng duyên. Sự chế phục này bao gồm sự quán cảnh tùy theo ý muốn và không có các phiền não do cảnh sinh khởi.

Hỏi: Biến xứ là gì?

Tụng đáp: (Âm Hán):

*Thắng xứ hữu thập chủng
Bát như tịnh giải thoát
Hậu nhị tịnh vô sắc
Duyên tự địa tứ uẩn.*

Dịch nghĩa:

*Có mười loại biến xứ
Tám như tịnh giải thoát
Hai như tịnh Vô sắc
Duyên bốn uẩn tự địa.*

(Có mười loại biến xứ: Tám loại như tịnh giải thoát, hai loại cuối là tịnh Vô sắc, duyên bốn uẩn thuộc tự địa).

Luận: Có mười loại biến xứ. Sở dĩ gọi là “Biến” vì chúng bao hàm toàn bộ các cảnh nơi đối tượng duyên của chúng. Nói “có mười loại” là chỉ cho toàn bộ đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, cộng thêm hai Vô biên xứ của không và thức (tức cõi Vô sắc thứ nhất và thứ hai)

Tám biến xứ đầu tiên có tự tánh là thiện căn vô tham, và có ngũ uẩn làm pháp trợ bạn. Chúng được khởi do một hành giả đang nhập tĩnh lực thứ tư và có sắc xứ Dục giới làm cảnh nơi đối tượng duyên. Tuy nhiên có nhiều ý kiến khác nhau: có luận sư cho loại thứ tư là phong biến xứ duyên một loại xúc gọi là phong giới, có luận sư lại nghĩ bốn biến xứ đầu tiên duyên xúc nhưng bốn loại cuối cùng lại duyên sắc.

Hai biến xứ cuối cùng là định tịnh thuộc Vô sắc, cảnh nơi đối tượng duyên của chúng là bốn uẩn thuộc về địa (tức cõi Vô sắc thứ nhất và thứ hai) của chúng.

Tám thắng xứ lấy tám giải thoát làm “lối vào”, và mười biến xứ lại lấy tám thắng xứ làm “lối vào” vì các loại khởi sau đều thù thắng hơn các loại khởi trước.

Hỏi: Tất cả công đức của các loại giải thoát v.v... được như thế nào và nương vào cái gì để khởi ?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Diệt định như tiên biện
Dư giai thông nhị đắc
Vô sắc y tam giới
Dư duy nhân thú khởi.*

Dịch nghĩa:

*Định diệt như trước nói
Loại khác đắc, hai cách
Vô sắc nương ba cõi
Còn lại khởi cõi người.*

(Định diệt như đã nói ở trước. Các loại còn lại đều đạt nhờ hai cách. Vô sắc nương ba cõi. Còn lại chỉ khởi ở cõi người).

Luận: Tất cả các công đức đều có chỗ dựa là chuỗi tâm tương tục của dị sinh hoặc Thánh giả, ngoại trừ diệt giải thoát chỉ có thể khởi ở Thánh giả.

Định diệt tận đã được nói đến ở trước, các công đức khác được do lìa nhiễm hoặc gia hạnh tùy theo chúng đã từng được thưởng xuyên tu tập hay không.

Các giải thoát và biến xứ thuộc Vô sắc giới được tu tập do chúng sinh ở cả ba giới, nhưng chỉ có con người mới có thể tu tập các loại định khác - ba giải thoát, tám thắng xứ, tám biến xứ - vì các loại định này sinh khởi nhờ vào hiệu quả của sự giáo huấn.

Hỏi: Nếu vậy, chúng sinh sinh ở các địa thuộc Sắc giới và Vô sắc giới làm sao có thể khởi các loại định thuộc về tinh lự và Vô sắc cao hơn địa họ đang ở?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Nhị giới do nhân nghiệp
Năng khởi vô sắc định
Sắc giới khởi tinh lự
Diệc cho pháp nhĩ lự.*

Dịch nghĩa:

*Hai giới nhờ nghiệp nhân
Nên khởi định Vô sắc Sắc
giới khởi tinh lự Cũng do
lực pháp tánh.*

(Hai giới nhờ nhân, nghiệp nên khởi định Vô sắc. Sắc giới khởi tinh lự. Còn do lực của pháp tánh).

Luận: Ở Sắc giới và ở các địa thấp hơn của Vô sắc giới thì các định của Vô sắc, hoặc các định cao hơn của Vô sắc sinh khởi nhờ vào lực của nhân: trong đời trước đó, các định này đã được tu tập rất gần và rất mạnh. Chúng cũng sinh khởi nhờ vào lực của nghiệp, tức nhờ vào loại quả báo (dị thực) sắp được chiêu cảm thuộc loại “thuận hậu thọ”, bao gồm một địa dị thực (tức địa do nghiệp chiêu cảm) cao hơn địa (Sắc giới hoặc các địa thấp hơn của Vô sắc giới) mà hành giả đã sinh ra ở đó. Do người nào không lìa bỏ một địa thấp hơn thì không thể tái sinh vào một địa cao hơn.

Chúng sinh sinh vào một tầng thấp hơn thuộc Sắc giới có thể khởi các tinh lự cao hơn tầng mà họ đã sinh ra nhờ vào hai lực đã nói ở trên. Và vào thời kỳ thế giới sắp bị hủy hoại thì lại nhờ vào lực của pháp tánh (pháp nhĩ lực). Vào thời kỳ này, tất cả chúng sinh thuộc các địa thấp hơn có thể khởi các tinh lự cao hơn vì năng lực của các pháp thiện rất tăng thịnh.

Hỏi: Pháp thiện của Đức Thế Tôn sẽ tồn tại bao lâu - tức là thời kỳ mà các loại pháp môn này có thể được liễu giải và nhìn thấy rõ ràng?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Phật chánh pháp chứng vị thể
Hữu trì thuyết hành giả
Thử tiện trụ thế gian.*

Dịch nghĩa:

*Chánh pháp Phật có hai
Là giáo, chứng làm thể
Nếu có người hành trì
Còn trụ ở thế gian.*

(Chánh pháp của Phật có hai loại là giáo và chứng. Nếu còn có người hộ trì bằng sự thuyết giảng và thực hành thì còn trụ ở thế gian).

Luận: Pháp thiện của Đức Thế Tôn có hai phần là giáo và chứng.

Giáo, tức là các lời dạy, như kinh, luật (điều phục) và luận (đối

pháp).

Chứng (tức là Thánh tánh), tức là các pháp phụ trợ cho Bồ-đề (Bồ-đề phần pháp) được tu tập do các Thánh giả của ba thừa, là các quả của đời sống tu hành chứng đắc ở ba thừa (sa môn quả). Đó là hai loại pháp thiện của Đức Thế Tôn.

Người nào thuyết giảng pháp thiện như kinh v.v... tức đã hộ trì phần giáo của pháp thiện này. Người nào tu tập hoặc chứng đắc pháp thiện như các Bồ-đề phần pháp v.v... tức đã hộ trì phần chứng của pháp thiện này. Chừng nào những người nói trên còn ở trên thế gian thì pháp thiện vẫn còn tồn tại.

Kinh đã nói một cách tổng quát pháp thiện tồn tại một ngàn năm sau khi Phật nhập Niết-bàn. Người ta giải thích con số này nhằm chỉ cho phần Chứng pháp, nhưng phần Giáo pháp thì tồn tại lâu hơn.

Hỏi: Luận này dựa theo A-tỳ-đạt-ma (Luận tạng) và bao hàm ý nghĩa của A-tỳ-đạt-ma. (Vì có nhiều cách giải thích A-tỳ-đạt-ma:) theo luận này, A-tỳ-đạt-ma (Đối pháp) được giải thích theo những lý lẽ nào?

Tụng đáp:

*Ca-thấp-di-la bàn luận lý
Tôi nương Tỳ-bà soạn Đối pháp
Nếu có sai sót ít nhiều là lỗi tôi.
Phán quyết chánh lý chỉ Mâu-ni.*

(Đối pháp được thiết lập qua các giải thích của Tỳ-bà-sa ở Ca-thấp-di-la nói chung đó là những gì tôi đã giải thích. Nếu ở đây có những gì thiếu sót thì đó là lỗi (không thể tránh khỏi) của tôi. Vì chỉ có các Mâu-ni mới có quyền giải thích chánh pháp).

Luận: Nói chung, luận Đối pháp này đã được tôi nói ra và được lập thành theo sự diễn giải của các luận sư Tỳ-bà-sa ở Ca-thấp-di-la. Trong đó, những gì bị hiểu sai lệch thì chính là lỗi của tôi: để diễn giải được Chánh pháp, chỉ có chư Phật và những người con của Đức Phật mới có thẩm quyền.

Đại sư, con mắt của thế gian, đã khép lại, những người chứng thực, nói chung, đã không còn, thánh giáo đã bị làm cho hỗn loạn do những người không nhìn thấy sự thật, những người có những suy nghĩ hạ tiện, tách rời chánh giáo, không được câu thúc.

Vì những người tự thân liễu ngộ đã đi vào sự tịch tĩnh cao diệu, và sự hộ trì Thánh giáo của những người này cũng như vậy: thế gian không còn người gìn giữ. Các sự mê hoặc, vốn hủy hoại công đức, giờ đây đã

hoàn toàn tự do.

Khi thấy được chánh pháp của Mâu-ni đang thở hơi cuối cùng, và đây chính là giờ phút thịnh hành của các mê hoặc thì những ai mong cầu giải thoát cần phải chuyên cần tinh tấn.
